

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1718/2018/HC-ST

Ngày: 26/11/2018

V/v khiếu kiện quyết định hành
chính và văn bản giải quyết khiếu
nại về quản lý đất đai trong
trường hợp bồi thường, hỗ trợ
thiệt hại, tái định cư khi nhà nước
thu hồi đất.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Thor

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Trần Thị Xuân Hải

2/ Ông Nguyễn Ngọc Hòa

- Thư ký phiên tòa: Bà Giản Thị Dung – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh Hải - Kiểm sát viên.

Vào ngày 26 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính sơ thẩm thụ lý số 159/2017/TLST-HC ngày 03/5/2017 về việc “khiếu kiện quyết định hành chính và văn bản giải quyết khiếu nại về quản lý đất đai trong trường hợp bồi thường, hỗ trợ thiệt hại, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 4959/QĐXXST-HC ngày 22 tháng 10 năm 2018. Tuyên án ngày 26 tháng 11 năm 2018, giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Ông Nhữ Đình T

Địa chỉ: phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trịnh Văn H; sinh năm: 1968; (có mặt).

Địa chỉ: Phường S, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo Giấy ủy quyền được công chứng số: 15732, quyền số: 08TP/CC-SCC/HĐGD ngày 30/06/2017 của Văn phòng công chứng P.

Người bị kiện: Ủy ban nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh;

Địa chỉ: phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện: ông Đặng Nguyễn Thanh M – Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện

Ông Nguyễn Hữu Anh T, chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo Giấy ủy quyền số: 1984 /GUQ-UBND ngày 19/05/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận T. (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:

- Ông Ngô Văn V – Chuyên viên Ban bồi thường, giải phóng mặt bằng quận T. (có mặt).

- Ông Trần Văn L – Phó trưởng Ban bồi thường giải phóng mặt bằng; (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Theo văn bản số: 2545/UBND-GPMB ngày 20/06/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận T;

Theo văn bản số: 4706/UBND-GPMB ngày 15/10/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận T;

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị Tuyết P; sinh năm: 1967 (vợ của ông T, vắng mặt);
2. Ông Nhữ Quốc PP; sinh năm: 1987 (con của ông T, vắng mặt);
3. Bà Nhữ Thị Uyên P1; sinh năm: 1995 (con của ông T, vắng mặt);
Cùng địa chỉ: phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Trịnh Văn H; sinh năm: 1968; (có mặt);

Địa chỉ: Phường S, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo Giấy ủy quyền có Số công chứng: 27641, quyển số: 14TP/CC-SCC/HĐGD ngày 16/11/2018 của Văn phòng Công chứng P.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo trình bày tại Đơn khởi kiện, Đơn khởi kiện bổ sung và Bản tự khai của người khởi kiện - ông Nhữ Đình T và ông Trịnh Văn H là người đại diện theo ủy quyền thì vụ án có nội dung như sau:

Ông Nhữ Đình T là chủ sở hữu căn nhà và quyền sử dụng đất tại địa chỉ (số mới) số 17 Quốc lộ 13, khu phố 3, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh nằm trong dự án Cầu Bình Triệu II và dự án Tân Sơn Nhất – Bình Lợi Vành đai ngoài, thuộc khu vực giải tỏa.

Việc Nhà nước thu hồi đất của ông T để thực hiện dự án, ông không có ý kiến và đồng ý giao mặt bằng cho Ban bồi thường quận T để triển khai dự án và đã nhận tiền bồi thường.

Năm 2002, phần diện tích nhà, đất của gia đình ông T bị giải tỏa được áp mức giá đền bù là: 4.000.000 đ/m²,

Năm 2008, phần đất và nhà này của gia đình ông T lại trùng ranh trong dự án Tân Sơn Nhất – Bình Lợi Vành đai ngoài (do hai dự án này trùng ranh nhau). Đơn giá bồi thường đền bù giải tỏa lại có sự chênh lệch giữa hai dự án.

Sau nhiều lần khiếu nại, ngày 13/11/2013 Ủy ban nhân dân quận T đã ban hành quyết định số: 6403/QĐ – UBND, chấp thuận một phần nội dung khiếu nại của ông T, với nội dung cụ thể như sau:

1. Số tiền bồi thường theo đơn giá Tân Sơn Nhất – Bình lợi: 2.897.605.600 đồng;
2. Khấu trừ tiền đã nhận năm 2002 và 2009 là: 1.835.181.100 đồng;
3. Khấu trừ tiền lãi phát sinh (tính đến 12/6/2008): -385.938.774 đồng.

Tổng cộng số tiền ông được nhận thêm là: 676.485.726 đồng.

Theo nội dung trong quyết định nêu trên, Ủy ban nhân dân quận T đã khấu trừ lãi suất đối với phần tiền gia đình ông đã nhận năm 2002 trong dự án Cầu Bình Triệu II là: 385.938.774 đồng.

Trong các khoản trên, ông không chấp nhận khoản tiền lãi bị khấu trừ là 385.938.774 đồng đối với số tiền mà gia đình ông đã nhận bồi thường trong dự án cầu Bình Triệu II vào năm 2002 và năm 2009.

Ngày 04 tháng 7 năm 2016 có đơn đề nghị Ủy ban T không khấu trừ khoản tiền lãi trên.

Ngày 09/8/2016 Chủ tịch Ủy ban T ban hành Văn bản số 3170/UBND-GPMB về việc thông tin cho ông biết việc yêu cầu không khấu trừ khoản tiền lãi đối với số tiền đã nhận trong dự án cầu Bình Triệu II là không có cơ sở giải quyết.

Do Quyết định 6403 ngày 13/11/2013 đã khấu trừ tiền lãi đối với số tiền đã nhận trong dự án cầu Bình triệu II và Văn bản 3170 ngày 09/8/2016 không chấp nhận việc ông đề nghị không khấu trừ tiền lãi của dự án cầu Bình triệu II (do trùng ranh giữa 2 dự án) là không thỏa đáng, thiệt hại cho ông. Nay, ông Yêu cầu Tòa án hủy Quyết định 6403 và Văn bản 3170, về khoản tiền lãi phát sinh từ số tiền đã nhận bồi thường của dự án cầu Bình triệu II đã bị khấu trừ là 385.938.774 đồng.

Người bị kiện: Ủy ban nhân dân quận T và Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận T trình bày bằng văn bản số: 2657/UBND-GPMT ngày 27/6/2017 và Văn bản 5305/UBND-GPMB 19/11/2018 có nội dung như sau:

Trong phạm vi thực hiện dự án xây dựng đường nối Tân Sơn Nhất Bình Lợi – Vành đai ngoài theo Quyết định số 19/QĐ-UBND ngày 04/10/2008 của Ủy ban nhân Thành phố, hộ ông Nhữ Đình T có phần diện tích 236,6m² đất, vật kiến trúc và tài sản khác bị thu hồi để thực hiện dự án. Trong đó có phần diện tích 165,26m² đất trùng ranh của dự án cầu đường Bình Triệu II được thu hồi tại Quyết định số 1556/QĐ-UB ngày 10/4/2002 của Ủy ban nhân dân Thành phố. Ông T đã được nhận tiền bồi thường, hỗ trợ tại Quyết định số 485/QĐ-UB ngày 09/6/2003 của Ủy ban nhân dân quận T với số tiền 751.269.322 đồng.

Ngày 07/6/2012, Ủy ban nhân dân Thành phố có công văn số 2671/UBND-DTMT về chủ trương bồi thường, hỗ trợ đối với các hộ dân bị trùng ranh của dự án cầu đường Bình Triệu II và dự án xây dựng đường nối Tân Sơn Nhất Bình Lợi – Vành đai ngoài với số tiền 945.114.637 đồng.

Ngày 29/6/2013, Ủy ban nhân Thành phố có công văn số 3223/UBND-PCNC về xử lý đơn khiếu nại của 04 hộ dân.

Ngày 13/11/2013, Ủy ban nhân dân quận T ban hành Quyết định số 6403/QĐ-UB về việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ bổ sung giá chênh lệch phần diện tích trùng ranh của dự án cầu đường Bình Triệu II và dự án xây dựng đường nối Tân Sơn Nhất Bình Lợi – Vành đai ngoài đối với hộ ông T. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ bổ sung là: 676.485.726 đồng.

Việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ bổ sung giá chênh lệch phần diện tích trùng ranh của dự án cầu đường Bình Triệu II và dự án xây dựng đường nối Tân Sơn Nhất Bình Lợi – Vành đai ngoài đối với hộ ông T là đúng chủ trương của Ủy ban nhân dân Thành phố tại công văn số 3223/UBND-PCNC ngày 29/6/2013 và công văn số 2671/UBND-DTMT ngày 07/6/2012.

Quyết định số 6403/QĐ-UBND ngày 13/11/2013 của Ủy ban nhân dân quận T về việc chi trả bồi thường, hỗ trợ, bổ sung giá chênh lệch phần diện tích trùng ranh của dự án cầu đường Bình Triệu II và dự án xây dựng đường nối Tân Sơn Nhất Bình Lợi – Vành đai ngoài được công bố và hộ ông T đã nhận tiền vào ngày 24/12/2013.

Căn cứ Điều 116 Luật tố tụng hành chính, Ủy ban nhân dân quận T nhận thấy: thời hiệu khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 6403/QĐ-UBND ngày 13/11/2013 đã hết. Đối với Văn bản trả lời số 3170/UBND-GPMB ngày 09/08/2016, mà ông T trình bày không phải là quyết định giải quyết khiếu nại theo trình tự giải quyết khiếu nại mà là trả lời đơn kiến nghị của ông T, được giải quyết theo quy trình trả lời, phúc đáp đơn kiến nghị và căn cứ theo quy định về thời hiệu giải quyết khiếu nại thì không còn thời hiệu. Nếu ông T nộp đơn khiếu nại Quyết định 6403 thì bộ phận nhận đơn sẽ không nhận đơn và có văn bản trả lời là hết thời hiệu giải quyết đơn khiếu nại về Quyết định hành chính. Ủy ban nhân dân quận T không đồng ý với ý kiến trình bày của người khởi kiện cũng như trình bày của người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện, giữa nguyên ý kiến theo văn bản số: 2657/UBND-GPMT ngày 27/6/2017 và Văn bản 5305/UBND-GPMB 19/11/2018.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là vợ và con của ông T do ông Trịnh Văn H là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Đồng ý với những trình bày trong đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung và yêu cầu khởi kiện cũng như yêu cầu khởi kiện bổ sung của ông Nhữ Đình T. Yêu cầu Tòa án hủy Quyết định 6403 và Văn bản 3170, về khoản tiền lãi phát sinh từ số tiền đã nhận bồi thường của dự án cầu Bình triệu II đã bị khấu trừ là 385.938.774 đồng

Tại phiên tòa:

* Người khởi kiện: Ông Nhữ Đình T và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có ông Trịnh Văn H đại diện trình bày:

Ông T xác định yêu cầu khởi kiện như sau: Ông T khởi kiện Yêu cầu Tòa án hủy Quyết định 6403 và Văn bản 3170, về khoản tiền lãi phát sinh từ số tiền đã nhận bồi thường của dự án cầu Bình triệu II đã bị khấu trừ là 385.938.774 đồng

* Người bị kiện: Ủy ban nhân dân quận T và Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận T có ông Đặng Nguyễn T đại diện theo ủy quyền có đơn xin vắng mặt nên không có lời trình bày.

* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện trình bày tranh luận có nội dung như sau:

Ủy ban nhân dân quận T ban hành Quyết định số 6403/QĐ-UB về việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ bổ sung giá chênh lệch phần diện tích trùng ranh của dự án cầu đường Bình Triệu 2 và dự án xây dựng đường nối Tân Sơn Nhất Bình Lợi – Vành đai ngoài đối với hộ ông T. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ bổ sung là: 676.485.726 đồng.

Việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ bổ sung giá chênh lệch phần diện tích trùng ranh của dự án cầu đường Bình Triệu 2 và dự án xây dựng đường nối Tân Sơn Nhất Bình Lợi – Vành đai ngoài đối với hộ ông T là đúng chủ trương của Ủy ban nhân dân Thành Phố tại văn bản số: 3223/UBND-PCNC ngày 29/6/2013 và văn bản số: 2671/UBND-DTMT ngày 07/6/2012. Do vậy, Ủy ban nhân dân quận T ban hành Quyết định 6403 của Ủy ban nhân dân quận T và Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận T ban hành Văn bản 3170 trả lời kiến nghị của ông T là có căn cứ, phù hợp với quy định của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Đề nghị bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về hình thức: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử tiến hành thủ tục tố tụng theo đúng quy định của pháp luật, người tham gia tố tụng đúng thành phần và chấp hành quy định của Luật tố tụng hành chính.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì Quyết định 6403 của Ủy ban nhân dân quận T và Văn bản 3170 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận T ban hành có một phần nội dung liên quan việc khấu trừ tiền lãi phát sinh từ số tiền đã nhận trong dự án cầu Bình Triệu II của ông T là không đúng quy định pháp luật và Phương án được phê duyệt, yêu cầu của ông T về không khấu trừ tiền lãi phát sinh từ số tiền đã nhận trong dự án cầu Bình Triệu II là có cơ sở vì trong Phương án không nêu trường hợp bị trừ tiền lãi phát sinh từ số tiền đã nhận trong Phương án cầu Bình Triệu II. Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T về việc hủy một phần Quyết định 6403 của Ủy ban nhân dân quận T và hủy Văn bản 3170 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát, các quy định pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp, quyền khởi kiện, thời hiệu khởi kiện và

thẩm quyền giải quyết vụ án:

Ngày 16/03/2017, ông Nhữ Đình T có đơn khởi kiện yêu cầu Hủy Quyết định 6403/QĐ-UBND ngày 13/11/2013 của Ủy ban nhân dân quận T về chi trả tiền bồi thường – hỗ trợ bổ sung do chênh lệch giá về phần diện tích đất trùng ranh giữa dự án cầu đường Bình Triệu II và dự án xây dựng tuyến đường nối Tân Sơn Nhất Bình Lợi – Vành đai ngoài.

Ngày 26/07/2017, ông Nhữ Đình T có đơn khởi kiện bổ sung, yêu cầu hủy văn bản số: 3170/UBND – GPMB ngày 09/08/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận T về không có cơ sở xem xét kiến nghị đối với phần tiền lãi phát sinh từ số tiền đã nhận trong dự án cầu Bình Triệu II.

Do văn bản số: 3170/UBND – GPMB ngày 09/08/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận T trả lời kiến nghị của ông Nhữ Đình T về việc Quyết định 6403/QĐ-UBND ngày 13/11/2013 của Ủy ban nhân dân quận T đã khấu trừ tiền lãi phát sinh từ số tiền đã nhận trong dự án cầu đường Bình Triệu II làm ảnh hưởng trực tiếp đến quyền lợi của ông cũng như gia đình ông nên văn bản số: 3170/UBND – GPMB ngày 09/08/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận T có nội dung giải quyết vấn đề có liên quan đến Quyết định 6403/QĐ-UBND ngày 13/11/2013 của Ủy ban nhân dân quận T là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính, còn trong thời hiệu khởi kiện và Quyết định 6403/QĐ-UBND ngày 13/11/2013 của Ủy ban nhân dân quận T là quyết định hành chính trong lĩnh vực đất đai có liên quan trực tiếp đến quyền lợi của ông và gia đình ông nên được xem xét giải quyết cùng với văn bản số: 3170/UBND – GPMB ngày 09/08/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận T. Thuộc trường hợp khiếu kiện quyết định hành chính về quản lý đất đai về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi thu hồi đất của Ủy ban nhân dân và Chủ tịch Ủy ban nhân dân. Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý giải quyết. Theo quy định tại các Điều 30, 32 và điểm a Khoản 2 Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính

Ông Nhữ Đình T có năng lực pháp luật hành chính và năng lực hành vi tố tụng hành chính, đã thực hiện đầy đủ quyền khởi kiện đối với các Quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi thu hồi đất của Ủy ban nhân dân và Chủ tịch Ủy ban nhân dân còn trong thời hiệu khởi kiện; thuộc thẩm quyền thụ lý giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại các Điều 53, 54 Luật tố tụng hành chính.

[2] Về Người đại diện, Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện có đủ các điều kiện theo quy định tại khoản 1; điểm d khoản 2; khoản 3 Điều 60 và điểm c khoản 2, 3 Điều 61 của Luật tố tụng hành chính.

[3] Về xét xử vắng mặt người bị kiện, người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện.

Ông Đặng Nguyễn TM là Chủ tịch ủy ban nhân dân quận T có văn bản số: 4646/GUQ/UBND ngày 11/10/2018 ủy quyền cho ông Đặng Nguyễn T - Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân quận T và đề nghị được vắng mặt ở tất cả các giai đoạn.

Ông Đặng Nguyễn T- Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân quận T là người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện có văn bản đề nghị được vắng mặt ở tất cả các giai đoạn.

Ngày 19/11/2018, ông Trần Văn L là người bảo vệ quyền và lợi ích cho người bị kiện có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Văn bản đề nghị và đơn xin xét xử vắng mặt đúng theo quy định của Luật tố tụng hành chính nên tiến hành xét xử vắng mặt người bị kiện, người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện và ông Trần Văn L là người bảo vệ quyền và lợi ích cho người bị kiện theo khoản 1 Điều 158 của Luật tố tụng hành chính.

[4] Về yêu cầu của người khởi kiện:

Ông Nhữ Đình T yêu cầu hủy Quyết định số 6403/QĐ-UBND ngày 13/11/2013 của Ủy ban nhân dân quận T về việc chi trả bồi thường, hỗ trợ, bổ sung giá chênh lệch phần diện tích trùng ranh của dự án cầu đường Bình Triệu 2 và dự án xây dựng đường nối Tân Sơn Nhất Bình Lợi – Vành đai ngoài về khấu trừ số tiền lãi từ số tiền ông Nhữ Đình T đã nhận trong dự án cầu đường Bình Triệu II và Văn bản trả lời số 3170/UBND-GPMB ngày 09/08/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận T về không có cơ sở xem xét đề nghị của ông Nhữ Đình T đối với số tiền lãi đã bị khấu trừ theo Quyết định số: 6403.

4.1 Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành các Quyết định: 6403/QĐ-UBND ngày 13/11/2013 của Ủy ban nhân dân quận T về việc chi trả bồi thường, hỗ trợ, bổ sung giá chênh lệch phần diện tích trùng ranh của dự án cầu đường Bình Triệu 2 và dự án xây dựng đường nối Tân Sơn Nhất Bình Lợi – Vành đai ngoài; Văn bản trả lời số 3170/UBND-GPMB ngày 09/08/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận T. Được ban hành đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền theo quy định pháp luật.

4.2 Về nội dung của các Quyết định:

Theo nội dung Quyết định 6403/QĐ-UBND ngày 13/11/2013 của Ủy ban nhân dân quận T về việc chi trả bồi thường, hỗ trợ, bổ sung giá chênh lệch phần diện tích trùng ranh của dự án cầu đường Bình Triệu 2 và dự án xây dựng đường nối Tân Sơn Nhất Bình Lợi – Vành đai ngoài đã khấu trừ số tiền lãi phát sinh từ số tiền đã nhận bồi thường của dự án Bình Triệu II vào năm 2002 và năm 2009. Ủy ban nhân dân quận T cho rằng cơ sở để tính tiền lãi là căn cứ vào Công văn 2671/UBND-ĐTMT ngày 07/06/2012 và Công văn 3223/UBND-PCNC ngày 29/06/2013 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc xử lý đơn khiếu nại của 04 hộ dân và các trường hợp tương tự khác nếu có trong việc giải quyết bồi

thường, hỗ trợ đối với các hộ dân có đất bị thu hồi trùng ranh giữa Dự án Bình Triệu II và Dự án đường nối Tân Sơn Nhất – Bình Lợi – Vành đai, T. Theo quy định của Luật đất đai khi thu hồi đất phải có phương án tổng thể về bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng, tái định cư. Phương án phải được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xét duyệt. Việc khấu trừ số tiền lãi suất phát sinh từ ngày nhận tiền của Dự án Bình Triệu II đến ngày 12/6/2008 của các hộ dân được bồi thường, hỗ trợ trong dự án Tân Sơn Nhất – Bình Lợi, cụ thể là đối với trường hợp của ông T là một trong những nội dung liên quan đến chính sách bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất phục vụ cho Dự án Tân Sơn Nhất Bình Lợi – Vành đai ngoài. Nội dung này phải được quy định cụ thể trong phương án, NH trong Phương án 26/PABT-HĐBT ngày 09/06/2008 được Ủy ban nhân dân quận T phê duyệt tại Quyết định số: 1080/QĐ-UBND ngày 12/06/2008 không quy định việc trừ tiền lãi đối với số tiền đã nhận của dự án cầu đường Bình Triệu II. Trong Điều 1 của Quyết định 6403/QĐ-UBND ngày 13/11/2013 của Ủy ban nhân dân quận T đã khấu trừ khoản tiền lãi 385.938.774 đồng mà ông T đã nhận của Dự án Bình Triệu II và trong Văn bản 3170 Chủ tịch Ủy ban T không chấp nhận đề nghị của ông T là không có cơ sở, đã làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông T. Do đó, yêu cầu khởi kiện của ông T là có căn cứ chấp nhận.

Trình bày của người bị kiện và đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện về bác yêu cầu khởi kiện của ông T là không có cơ sở chấp nhận.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phù hợp với quy định pháp luật được chấp nhận.

[5] Về án phí hành chính sơ thẩm:

Do yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện được chấp nhận nên ông Nhữ Đình T không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm.

Ủy ban nhân dân quận T, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận T phải chịu án phí hành chính sơ thẩm theo quy định tại Khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30; khoản 1 Điều 31; Điều 53, 54; khoản 1, điểm d khoản 2, khoản 3 Điều 60 và điểm c khoản 2, 3 Điều 61; điểm a Khoản 2 Điều 116; khoản 1 Điều 158 và khoản 1, điểm a, c khoản 2 Điều 193 của Luật tổ tụng hành chính;

Căn cứ Điều 138 Luật Đất đai năm 2003;

Căn cứ Khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nhữ Đình T.

- Hủy phần nội dung “- *Khấu trừ số tiền lãi suất phát sinh từ ngày nhận tiền Bình Triệu 2 đến ngày 12/6/2008: -385.938.774 đồng* “được nêu tại Điều 1 Quyết định số 6403/QĐ-UBND ngày 13/11/2013 của Ủy ban nhân dân T về việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ bổ sung do chênh lệch giá phần diện tích đất trùng ranh giữa Dự án cầu đường Bình Triệu II và Dự án xây dựng tuyến đường nối Tân Sơn Nhất - Bình Lợi - Vành đai ngoài.

- Hủy văn bản số 3170/UBND-GPMB ngày 09/8/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận T về trả lời kiến nghị của ông Nhữ Đình T.

2. Án phí hành chính sơ thẩm:

- Ủy ban nhân dân quận T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng);
- Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng).

- Hoàn trả cho ông Nhữ Đình T toàn bộ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tiền số AA/2016/0033989 ngày 10/04/2017 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyền kháng cáo:

Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP HCM;
- Viện Kiểm sát cấp cao tại TP HCM;
- VKSND TP HCM;
- Cục Thi hành án dân sự TP HCM;
- Các đương sự;
- Lưu VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

,

Nguyễn Hữu Thơ

